

Biểu đồ giá



Thông tin cổ phiếu vào ngày 9/08/2010

Giá CP (đồng)	52,000
Số lượng niêm yết hiện tại	101,276,588
Số lượng CP đang lưu hành	100,243,402
Giá cao nhất trong 52 tuần	58,000
Giá thấp nhất trong 52 tuần	30,900
Thay đổi giá trong 3 tháng	2.0%
Thay đổi giá trong 6 tháng	1.6%
Thay đổi giá trong 12 tháng	56.9%
Khối lượng giao dịch (cp)	249,980
Giá trị giao dịch (triệu đồng)	12,961
GT vốn hóa t.t (triệu đồng)	5,212,657
GT vốn hóa t.t (triệu USD)	273.20
Số lượng được phép sở hữu	49,625,528
Số lượng còn được phép mua	19,928,174
% sở hữu nước ngoài	29.3%
% giới hạn sở hữu nước ngoài	49.0%

Nguồn: HSC

Chỉ tiêu

Đơn vị: triệu đồng	2008	2009
Tổng tài sản	2,983,410	4,247,601
Nguồn vốn CSH	2,075,923	2,413,130
Doanh thu	1,455,768	1,529,355
Lợi nhuận trước thuế	(61,689)	572,309
Lợi nhuận sau thuế	(85,316)	480,524

Chỉ số	2008	2009
Khả năng thanh khoản		
Hệ số thanh toán hiện thời	2.2	1.5
Hệ số thanh toán nhanh	1.9	1.4
Khả năng sinh lời		
Lợi nhuận biên gộp	25.4%	33.0%
Lợi nhuận biên sau thuế	-5.9%	31.4%
ROE	-3.8%	21.4%
ROA	-2.8%	13.3%
Hiệu quả hoạt động		
Vòng quay khoản phải thu	7.1	8.7
Vòng quay hàng tồn kho	6.8	6.0
Vòng quay tổng tài sản	0.5	0.4
Vòng quay vốn CSH	0.6	0.7

Nguồn: KDC

Trường phòng phân tích - Trần Hương Mỹ
 (84 8) 3 8233299
 my.th@hsc.com.vn

Kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2010

Đơn vị tính: tỷ đồng	1H 2009	1H 2010	y/y%	Kế hoạch 2010	% hoàn thành	2009	2010F	y/y%
Doanh thu thuần	532.7	585.2	9.8%	1,881	31.1%	1,526.8	1,698.2	11.2%
LN gộp	134.4	165.4	23.1%			506.8	546.1	7.7%
Doanh thu tài chính	219.4	614.3	180.1%			266.4	651.2	144.5%
Chi phí tài chính	157.9	222.2	40.7%			201.2	252.1	25.3%
Chi phí bán hàng	49.8	91.9	84.6%			158.3	212.3	34.1%
Chi phí quản lý DN	48.2	61.1	26.8%			104.3	118.9	14.0%
LN trước thuế	107.1	425.2	297.0%	850	50.0%	581.6	644.2	10.8%
LN sau thuế	97.0	311.3	221.0%			484.4	473.3	-2.3%
Tỷ suất LN gộp	25.2%	28.3%				33.2%	32.2%	
Chi phí bán hàng/ doanh thu	9.3%	15.7%				10.4%	12.5%	
Chi phí quản lý/ doanh thu	9.0%	10.4%				6.8%	7.0%	
Tỷ suất LN trước thuế	20.1%	72.7%				38.1%	37.9%	
Tỷ suất LN sau thuế	18.2%	53.2%				31.7%	27.9%	
EPS							4,673	
P/E							11.2	

Nguồn: KDC, (F): HSC dự báo

CTCP Kinh Đô (KDC - HoSE) – Kết quả 6 tháng đầu năm thấp hơn mong đợi do hoạt động kinh doanh chính tăng trưởng chậm.

- Mảng kinh doanh bánh kẹo của công ty trong 6 tháng đầu năm đã tăng trưởng thấp hơn dự kiến với sản lượng tiêu thụ tăng rất thấp mặc dù giá bán bình quân tăng 6% so với cùng kỳ năm trước.
- Tỷ suất lợi nhuận gộp cải thiện một chút do giá bán tăng; tuy nhiên, tỷ lệ chi phí bán hàng và chi phí quản lý trên doanh thu cũng tăng mạnh do chi phí marketing tăng và do công ty có một số cải cách đối với mạng lưới phân phối.
- Mảng đầu tư tài chính dự kiến sẽ không đem lại lợi nhuận trong năm nay. Trong khi đó lợi nhuận từ bất động sản sẽ là nguồn lợi nhuận chính. Lợi nhuận trước thuế năm 2010 dự kiến sẽ cao hơn năm trước do công ty lãi 425 tỷ đồng từ việc chuyển nhượng một dự án bất động sản lớn.
- Chúng tôi dự báo EPS năm 2010 của KDC sẽ đạt 4,673 đồng; P/E dự phóng đạt 11 lần. Do triển vọng chưa rõ ràng về ngành bánh kẹo, chúng ta cần theo dõi sát cổ phiếu này.

Đơn vị tính: tỷ đồng	6 tháng đầu năm 2009	6 tháng đầu năm 2010	y/y%	Kế hoạch năm 2010	% hoàn thành kế hoạch	2009	2010F	y/y%
Doanh thu	532.7	585.2	9.8%	1,881	31.1%	1,526.8	1,698.2	11.2%
Lợi nhuận gộp	134.4	165.4	23.1%			506.8	546.1	7.7%
Thu nhập tài chính	219.4	614.3	180.1%			266.4	651.2	144.5%
Chi phí tài chính	157.9	222.2	40.7%			201.2	252.1	25.3%
Chi phí bán hàng	49.8	91.9	84.6%			158.3	212.3	34.1%
Chi phí quản lý	48.2	61.1	26.8%			104.3	118.9	14.0%
Lợi nhuận trước thuế	107.1	425.2	297.0%	850	50.0%	581.6	644.2	10.8%
Lợi nhuận sau thuế	97.0	311.3	221.0%			484.4	473.3	-2.3%
Tỷ suất lợi nhuận gộp	25.2%	28.3%				33.2%	32.2%	
Chi phí bán hàng/doanh thu	9.3%	15.7%				10.4%	12.5%	
Chi phí quản lý/doanh thu	9.0%	10.4%				6.8%	7.0%	
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế	20.1%	72.7%				38.1%	37.9%	
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế	18.2%	53.2%				31.7%	27.9%	
EPS							4,673	
P/E							11.2	

Nguồn: KDC, (F): HSC dự báo

KDC gần đây đã công bố kết quả kinh doanh hợp nhất 6 tháng đầu năm 2010. Doanh thu thuần đạt 585 tỷ đồng, tăng 9.8% so với cùng kỳ năm trước; lợi nhuận thuần sau khi trừ đi lợi ích của cổ đông thiểu số đạt 311 tỷ đồng, tăng 221%.

Doanh thu

- Doanh thu tăng trưởng 9.8% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu nhờ giá bán bình quân tăng gần 6%, còn sản lượng tiêu thụ tăng khá thấp, chỉ 3.8%. Riêng trong Q2, tăng trưởng doanh thu ở mức thấp, chỉ tăng 1.4% so với cùng kỳ năm trước, cho thấy sản lượng tiêu thụ trong Q2 giảm.
- Bánh quy (cookie):** Doanh thu từ bánh quy trong 6 tháng đầu năm 2010 tăng trưởng mạnh, tăng 18.6% so với cùng kỳ năm trước do Tết âm lịch năm nay diễn ra muộn hơn so với năm ngoái. Do đó, phần lớn doanh thu từ dịp Tết đã được ghi nhận vào Q1 thay vì Q4 trong dịp Tết năm ngoái và do đó, doanh thu Q4 năm 2009 đạt thấp. Có thể thấy rõ điều này nếu nhìn vào mức tăng trưởng doanh thu từ bánh quy đạt âm 3% trong 6 tháng đầu năm 2009. Bánh quy chủ yếu được dùng làm quà biếu tặng trong dịp Tết.
- Bánh Cracker:** Doanh thu từ bánh cracker tăng trưởng khiêm tốn trong 6 tháng đầu năm, chỉ tăng 0.3% so với cùng kỳ năm trước. Đây là mức tăng trưởng doanh thu thấp nhất từ trước đến nay của bánh cracker. KDC là công ty sản xuất bánh cracker đầu tiên và đây là lợi thế lớn của công ty trong việc giành được thị phần. Vào cuối năm 2009, Kinh Đô

vẫn dẫn đầu trong mảng thị trường này với thị phần là 35% (25% của KDC và 10% của NKD). Năm 2007, doanh thu từ bánh cracker của KDC tăng mạnh đến 29% và kể từ đó, doanh thu cracker bắt đầu tăng chậm dần. Một lý do giải thích cho việc này là công ty chậm tung ra thị trường sản phẩm bánh cracker mới (cracker phủ kem). Tuy nhiên, ngoài lý do này thì có vẻ như thị trường bánh cracker đã ở vào giai đoạn bão hòa.

- Bánh mì công nghiệp:** Mảng này tăng trưởng tốt, tăng 21.2% so với cùng kỳ năm trước trong nửa đầu năm. Với việc tung ra sản phẩm bánh mì gà quay trong năm 2009 và tổ chức lại kênh bán hàng trong 6 tháng đầu năm 2010, doanh thu từ sản phẩm bánh mì công nghiệp của KDC đã phục hồi phần nào sau khi giảm 12% trong năm 2009. Tuy nhiên, kể từ năm 2008, do chậm trễ trong việc tung ra sản phẩm bánh mì mặn đáp ứng nhu cầu mới của thị trường, KDC đã đánh mất thị phần vào tay Hữu Nghị. Do đó, mặc dù đã tăng trở lại trong 6 tháng đầu năm 2010 thì doanh thu từ bánh mì vẫn đạt thấp hơn so với 2 năm trước. Công ty vừa mới đưa ra thị trường một loại bánh mì mới "bánh mì siêu mềm" trong tháng 7 và dự kiến sản phẩm này sẽ giúp doanh thu tăng trưởng trong 6 tháng cuối năm cũng như trong những năm tới.
- Bánh bông lan:** Doanh thu từ các sản phẩm bánh bông lan của công ty chỉ tăng trưởng 6.8% trong 6 tháng đầu năm mặc dù KDC đã tung ra thị trường sản phẩm mới là bánh bông lan 2 nhân trong tháng 3. Năm ngoái, doanh thu từ bánh bông lan tăng trưởng với tốc độ cao hơn là 14.5%. Mặc dù tập

Đơn vị tính: tỷ đồng	1H 2008	1H 2009	y/y%	1H 2010	y/y%
Bánh quy	48.3	46.9	-3.0%	55.6	18.6%
Bánh cracker	108.1	158.7	46.9%	159.2	0.3%
Snack	50.5	35.7	-29.3%	35.1	-1.6%
Bánh mì công nghiệp	149.2	103.3	-30.7%	125.2	21.2%
Bánh bông lan	124.5	171.0	37.3%	182.6	6.8%
Kẹo	15.6	10.1	-34.9%	14.6	44.5%
Khác	17.7	6.4	-63.9%	12.9	101.4%
Tổng	513.9	532.7	3.7%	585.2	9.8%

Nguồn: KDC

đoàn Kinh Đô vẫn nắm phần lớn thị phần là 30%, thị mức độ cạnh tranh trên thị trường này vẫn trở lên gay gắt hơn trước với sự có mặt của nhiều thương hiệu mạnh như Hura (Bibica), Custas (Orion) và Chocopie (Orion).

- Tăng trưởng doanh thu từ kẹo tăng đạt cao nhất, đạt 44.5% so với cùng kỳ năm trước, tuy nhiên, mức độ đóng góp trong tổng doanh thu của các sản phẩm kẹo vẫn còn rất nhỏ. Doanh thu từ snack tiếp tục giảm và điều này là nằm trong dự đoán vì đây là nhóm sản phẩm yếu nhất của KDC trong 2 năm qua.

Tỷ suất lợi nhuận gộp

- Tỷ suất lợi nhuận gộp trong 6 tháng đầu năm 2010 đã được cải thiện so với cùng kỳ năm trước, đạt 28.3% so với mức 25.2% của 6 tháng đầu năm 2009. Chi phí sản xuất tăng khoảng 5-8% nhưng do bên cạnh đó công ty cũng tăng giá bán bình quân lên gần 10% vào đầu năm nên đã bù đắp lại sự gia tăng của chi phí. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng chính việc giá bán bình quân tăng đã dẫn đến việc doanh số bán ra không tăng.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý

- Trong 6 tháng đầu năm, KDC đã thành lập một đội bán hàng riêng biệt cho sản phẩm bánh mì công nghiệp, được mong chờ sẽ tốc độ tăng trưởng tốt hơn. Công ty đã tuyển dụng khoảng 100 nhân viên bán hàng mới để bổ sung cho đội ngũ bán hàng và nâng tổng số nhân viên bán hàng lên hơn 400 người. Chi phí quảng cáo cũng nhiều hơn năm ngoái do có nhiều sản phẩm mới. Vì vậy, chi phí bán hàng đã tăng 85% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, những nỗ lực xúc tiến bán hàng này cho đến nay vẫn chưa tạo được kết quả tích cực lên doanh thu. Do đó, tỷ lệ chi phí bán hàng trên doanh thu đã tăng đáng kể từ mức 9.3% trong 6 tháng đầu năm 2009 lên 15.7% trong 6 tháng đầu năm 2010.

- Chi phí quản lý cũng tăng mạnh 26.8% do việc tái cơ cấu lại nguồn nhân lực. Công ty đã tuyển dụng thêm 3 phó Tổng giám đốc mới, đồng thời tăng lương cho đội ngũ quản lý cao cấp.

Chi phí và doanh thu từ hoạt động tài chính

- Vào ngày 30/6, đầu tư ngắn hạn của công ty đạt 833 tỷ đồng, tăng 56% tính từ đầu năm; chủ yếu do các khoản cho vay ngắn hạn đối với các đơn vị khác tăng (công ty cho một ngân hàng vay 100 tỷ đồng; một công ty chứng khoán vay 50 tỷ đồng và một công ty tư nhân vay 21.5 tỷ đồng). Các khoản cho vay đối với các công ty có liên quan trong Tập đoàn Kinh Đô cũng tăng từ 510 tỷ đồng vào cuối năm ngoái lên 639 tỷ đồng vào ngày 30/6/2010. Do đó, thu nhập từ tiền lãi cho vay và tiền gửi đạt 29.5 tỷ đồng, tăng 34% so với cùng kỳ năm trước.
- Trong 6 tháng đầu năm, công ty không mua vào thêm cổ phiếu cũng như không bán ra cổ phiếu nào trong danh mục đầu tư. Tuy nhiên, trong Q2, công ty đã trích lập 49 tỷ đồng dự phòng giảm giá cho cổ phiếu EIB. Vào thời điểm cuối Q2, KDC nắm giữ 4,348,296 cổ phiếu EIB với giá trị trên sổ sách là 135.5 tỷ đồng, và đây là nguyên nhân chính dẫn đến việc công ty thua lỗ 31.6 tỷ đồng trong Q2. Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn và dài hạn còn lại (bao gồm cả các khoản đầu tư chiến lược như Nuti-foods và Tribeco Bình Dương) vào ngày 30/6/2010 lần lượt là 23 tỷ đồng và 470.6 tỷ đồng.
- Phần lớn doanh thu từ hoạt động tài chính trong 6 tháng đầu năm là khoản lãi 425 tỷ đồng từ chuyển nhượng 50% cổ phần trong CTCP Sài Gòn Kim Cương, là công ty phát triển dự án Tòa tháp SJC với giá trị chuyển nhượng là 718 tỷ đồng. Dự án tọa lạc tại khu trung tâm của TP HCM, trên một khu đất được bao quanh bởi đường Lê Lợi, Lê Thánh Tôn, Nguyễn Trung Trực và Nam Kỳ Khởi Nghĩa. Vào năm 2007, CTCP Sài Gòn Kim Cương đã được thành lập để phát triển dự án này.

- Vào tháng 12/2009, CTCP Sài Gòn Kim Cương có vốn điều lệ là 586 tỷ đồng, trong đó SJC đóng góp bằng 2,505m² đất với giá trị 234.4 tỷ đồng (tương đương 40% vốn điều lệ của Sài Gòn Kim Cương), KDC góp 293 tỷ đồng bằng tiền mặt (chiếm 50% vốn điều lệ) và Công ty Chứng khoán Đông Á góp 53.4 tỷ đồng (10% vốn điều lệ). Bên cạnh 2,505m² đất do SJC đóng góp, Sài Gòn Kim Cương còn được giao quyền sử dụng khu đất rộng 1,300m² bên cạnh và phải tiến hành đền bù giải tỏa.
- HSC dự báo lợi nhuận trước thuế sẽ đạt 644 tỷ đồng, tăng 11%. Tuy nhiên, chúng tôi dự đoán lợi nhuận thuần đạt 473 tỷ đồng, giảm nhẹ so với năm ngoái do lợi nhuận từ bất động sản phải chịu mức thuế thu nhập doanh nghiệp đầy đủ là 25% và dự kiến tỷ trọng lợi nhuận từ bất động sản của công ty sẽ cao hơn năm trước.

Dự báo cho năm 2010

- Chúng tôi dự báo doanh thu cả năm sẽ đạt 1,698 tỷ đồng, tăng 11%; cao hơn nhiều so với mức tăng trưởng doanh thu 6 tháng đầu năm vì theo chúng tôi, doanh thu từ bánh trung thu (sẽ được ghi nhận vào Q3) sẽ đạt khoảng 319 tỷ đồng, tăng 16%. Chúng tôi cho rằng các sản phẩm khác như bánh cracker và bánh mì công nghiệp cũng sẽ tăng trưởng mạnh hơn trong 6 tháng cuối năm do việc tung ra các sản phẩm mới và tái cơ cấu lại hệ thống phân phối và bán hàng.

SƠ LƯỢC VỀ CÔNG TY

CTCP Kinh Đô_Mã cổ phiếu: KDC - HoSE

Thứ hai, ngày 9 tháng 08 năm 2010

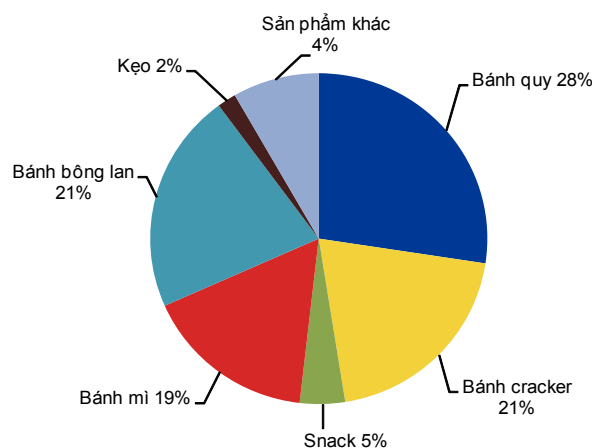
Báo cáo KQHĐKD năm (Đơn vị tính: triệu đồng)	2007	y/y%	2008	y/y%	2009	y/y%
Doanh thu thuần	1,230,802	23.3%	1,455,768	18.3%	1,529,355	5.1%
Giá vốn hàng bán	908,825	26.8%	1,085,980	19.5%	1,023,963	-5.7%
Lợi nhuận gộp	321,978	14.5%	369,789	14.8%	505,393	36.7%
Thu nhập thuần từ hoạt động tài chính	52,691	123.1%	(194,841)	-469.8%	72,661	NA
Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp	149,414	0.0%	255,060	70.7%	276,265	8.3%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	225,255	44.9%	(80,112)	-135.6%	301,789	NA
Lợi nhuận từ các hoạt động khác	10,149	-8.7%	19,566	92.8%	257,840	1217.8%
Lợi nhuận trước thuế	222,469	30.8%	(61,689)	-127.7%	572,309	NA
Lợi nhuận sau thuế	224,127	31.3%	(60,602)	-127.0%	522,943	NA
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	224,138	31.3%	(85,316)	-138.1%	480,524	NA

Nguồn: KDC, HSC

Lịch sử hình thành và phát triển

1993: Cty TNHH XD & Chế biến thực phẩm Kinh Đô được thành lập
Vốn đầu tư: 1.4 tỷ đồng
1994: Tăng vốn điều lệ lên 14 tỷ đồng
1999: Tăng vốn điều lệ lên 40 tỷ đồng
2000: Tăng vốn điều lệ lên 51 tỷ đồng, thành lập CTCP CBTP Kinh Đô Miền bắc
2001: Được cấp giấy chứng nhận ISO 9002
2002: CTCP Kinh Đô được thành lập với vốn điều lệ 150 tỷ đồng (Cty TNHH Xây dựng & Chế biến thực phẩm Kinh Đô góp 50 tỷ đồng)
Thay tiêu chuẩn ISO 9002 bằng 9001:2000
2002: Tăng vốn điều lệ lên 200 tỷ đồng
2003: Mua lại nhà máy kem Wall's từ Tập đoàn Unilever và thành lập Công ty cổ phần kem KIDO
2005: Niêm yết trên Hose, đầu tư vào Tribeco
2006: Xây dựng nhà máy Kinh Đô Bình Dương
2008: Hợp tác với Nutifood, đầu tư vào Vinabico

Cơ cấu doanh thu năm 2009



Nguồn: KDC

Ngành nghề kinh doanh

Chế biến thực phẩm và nông sản;
Sản xuất bánh kẹo, nước uống tinh khiết và nước ép trái cây

Sản phẩm, dịch vụ và thị trường

KDC có một danh mục sản phẩm rất đa dạng bao gồm bánh cookie, bánh trung thu, cracker, bánh mì công nghiệp, bánh bông lan công nghiệp, bánh quế, sô cô la. Khoảng hơn 90% doanh số đến từ thị trường trong nước và gần 10% còn lại đến từ xuất khẩu. Thị trường trong nước của công ty trải dài từ Quảng Bình đến Cà Mau. Các thị trường xuất khẩu chính bao gồm Nhật, Mỹ, Campuchia và Đài Loan.

Vị thế công ty trong ngành

Hiện tại, nhóm công ty Kinh Đô bao gồm KDC và NKD đang dẫn đầu thị trường bánh kẹo Việt Nam với tổng thị phần là 28%. Kinh Đô hiện đang chiếm lĩnh thị trường 4 nhóm sản phẩm chính là bánh trung thu, bánh quy, bánh cracker và bánh bông lan với thị phần lần lượt là 75%, 25%, 34% và 29%.

Chiến lược phát triển

Tập trung phát triển các sản phẩm có tốc độ tăng trưởng cao, doanh thu lớn, và lợi nhuận cao;
Giành thêm thị phần bằng việc mở rộng và đầu tư toàn diện vào hệ thống phân phối và thâm nhập sâu hơn nữa vào thị trường nội địa; Củng cố hệ thống quản lý.

Hoạt động Cty	Ngày GD không hưởng quyền	Tổng tiền/1 cp (đồng)	Năm tài chính
Chia cổ tức bằng tiền mặt	6/11/2009	2,400	2009

Cơ cấu sở hữu vào 9/8/2010	Số lượng CP	Tỷ lệ nắm giữ
Cty TNHH Đầu Tư Kinh Đô	11,529,000	11.5%
Trần Kim Thành	9,615,209	9.6%
Trần Lệ Nguyên	9,599,835	9.6%
Vương Bửu Linh	3,272,441	3.3%
Vương Ngọc Xiêm	3,272,441	3.3%
Cổ đông nước ngoài	29,697,354	29.6%
Cổ đông khác	33,257,122	33.2%

Thông tin liên hệ	
Trụ sở	141 Nguyễn Du, P. Bến Thành, Q.1, TP. HCM
Điện thoại	(84) (8) 38270838
Fax	(84) (8) 38270839
Website	www.kinhdo.vn
Vốn điều lệ (9/8/2010)	1,012,765,880,000 đồng

Xin vui lòng xem nội dung chi tiết về xung đột lợi ích và khuyến cáo cuối báo cáo này

SWOT

Điểm mạnh

Hệ thống phân phối rộng khắp;
Thương hiệu mạnh;
Khả năng nghiên cứu và phát triển tốt;
Hệ thống quản lý tốt;
Các dự án bất động sản có nhiều tiềm năng.

Điểm yếu

Một số nhóm sản phẩm đang đi vào tăng trưởng chậm lại và thậm chí là mất thị phần.

Cơ hội

Việc sáp nhập sắp tới giữa KDC, NKD và Kido sẽ giúp Kinh Đô củng cố sức mạnh tài chính và cải thiện chất lượng quản trị doanh nghiệp;
Dòng tiền lớn tiềm tàng từ các dự án bất động sản những năm tới sẽ là một nguồn lực có giá trị để công ty có thể đầu tư thêm vào hoạt động kinh doanh thực phẩm trong tương lai gần.

Thách thức

Việc mở rộng mạnh sang các lĩnh vực thực phẩm đồ uống khác và bất động sản có thể làm phát sinh các rủi ro liên quan đến khả năng quản lý.

	Tên và Chức danh	Trình độ chuyên môn
Hội đồng quản trị	Trần Kim Thành - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Chế biến Thực phẩm Kinh Đô Miền Bắc	Cử nhân Quản trị kinh doanh
	Trần Lệ Nguyên - PCT HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc CTCP Kinh Đô	Cử nhân Quản trị kinh doanh
	Wang Ching Hua - Thành viên HĐQT	Kỹ sư Công nghệ thực phẩm
	Vương Bửu Linh - Thành viên HĐQT	Cử nhân Quản Trị Doanh nghiệp
Ban Kiểm soát	Cô Gia Thọ - Thành viên HĐQT	NA
	Mã Thanh Danh - Trưởng Ban Kiểm Soát	Cử nhân Quản trị kinh doanh, kỹ sư điện
	Lương Mỹ Duyên - Thành viên Ban kiểm soát	Cử nhân Tài Chính Kế Toán
Ban Tổng Giám đốc	Võ Long Nguyên - Thành viên Ban kiểm soát	NA
	Trần Lệ Nguyên - Tổng Giám Đốc	Cử nhân Quản trị kinh doanh
	Nguyễn Khắc Huy - Giám Đốc Điều Hành	NA
	Lê Phụng Hào - Phó Tổng Giám Đốc	Kỹ sư Cơ khí, Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Luật
	Vương Bửu Linh - Phó Tổng Giám Đốc	Cử nhân Quản Trị Doanh nghiệp
	Vương Ngọc Xiêm - Phó Tổng Giám Đốc	Cử nhân Quản Trị Doanh nghiệp
	Mai Xuân Trầm - Phó Tổng Giám Đốc	NA
	Bùi Thanh Tùng - Phó Tổng Giám Đốc	NA
	Nguyễn Xuân Luân - Phó Tổng Giám Đốc	Cử nhân Kinh tế
	Lương Quang Hiến - Phó Tổng Giám Đốc	Cử nhân Kinh tế Ngoại Thương
	Wang Ching Hua - Phó Tổng Giám Đốc	Kỹ sư Công nghệ thực phẩm
	Lê Anh Quân - Phó Tổng Giám Đốc	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
	Jimmy Foo - Phó Tổng Giám Đốc	NA

Nguồn: KDC

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

CTCP Kinh Đô_Mã cổ phiếu: KDC - HoSE

Thứ hai, ngày 9 tháng 08 năm 2010

Đơn vị: triệu đồng

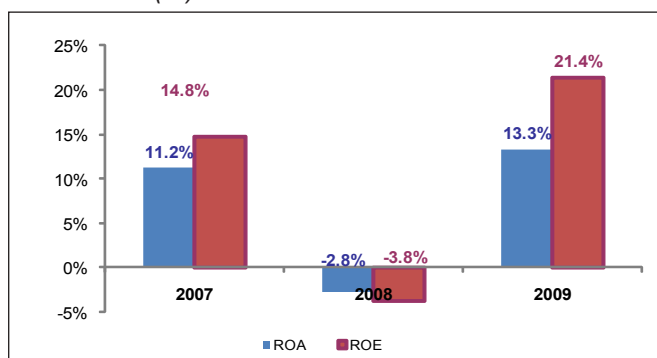
Bảng cân đối kế toán năm	2007	2008	2009
Tài sản ngắn hạn	1,754,629	1,474,434	2,510,074
Tiền & các khoản đương tiền	530,438	206,808	984,611
Đầu tư ngắn hạn	522,518	584,291	518,184
Các khoản phải thu	560,318	489,407	825,183
Hàng tồn kho	136,272	181,656	162,476
Tài sản ngắn hạn khác	5,082	12,271	19,621
Tài sản dài hạn	1,312,846	1,508,976	1,737,527
Các khoản phải thu dài hạn	30,911	31,059	22,553
Tài sản cố định	480,860	787,519	656,085
Bất động sản đầu tư	-	-	-
Đầu tư dài hạn	797,350	673,385	994,535
Tài sản dài hạn khác	3,725	17,012	32,318
Lợi thế thương mại	-	-	32,036
Tổng tài sản	3,067,474	2,983,410	4,247,601
Nợ phải trả	593,513	835,926	1,767,440
Nợ ngắn hạn	467,800	663,885	1,632,683
Nợ dài hạn	125,713	172,041	134,757
Vốn chủ sở hữu	2,447,396	2,080,814	2,413,130
Vốn chủ sở hữu	2,447,396	2,075,923	2,413,130
Nguồn vốn khác & Quỹ	-	4,891	-
Lợi ích của cổ đông thiểu số	20,468	71,561	62,140
Tổng nguồn vốn	3,061,377	2,988,301	4,242,710
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	2007	2008	2009
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	(148,742)	386,959	913,631
Lưu chuyển tiền từ HĐ đầu tư	(1,202,184)	(535,261)	(36,181)
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	1,830,538	(175,327)	(100,103)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	479,612	(323,630)	777,347
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	50,826	530,438	206,808
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-	456
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	530,438	206,808	984,611
Tốc độ tăng trưởng (%)	2007	2008	2009
Tốc độ tăng trưởng doanh thu	23.3%	18.3%	5.1%
Tốc độ tăng trưởng LN trước thuế	30.8%	-127.7%	-1027.7%
Tốc độ tăng trưởng lợi nhuận sau thuế	31.3%	-127.0%	-962.9%
Kế hoạch kinh doanh năm 2010			
Doanh thu (triệu đồng)			1,881,000
Tăng trưởng so với năm 2009 (%)			23%
Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)			850,000
Tăng trưởng so với năm 2009 (%)			48.5%

Các chỉ tiêu liên quan đến định giá	9/08/2010		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	100,243,402		
Thị giá	52,000		
Vốn hóa thị trường (triệu đồng)	5,212,657		
	2007	2008	2009
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	46,999,665	57,114,876	79,546,259
Số lượng CP đang lưu hành bình quân	36,921,381	52,810,321	56,081,690
EPS (đồng)	6,071	(1,616)	8,568
P/E	8.6	-32.2	6.1
EV/EBITDA	18.1	92.9	9.0
BVPS (đồng)	52,073	36,346	30,336
P/B	1.0	1.4	1.7
Doanh thu/ 1 cp (đồng)	33,336	27,566	27,270
Giá/doanh thu	1.6	1.9	1.9
DPS (đồng)	1,800	1,800	2,400
Cổ tức/Giá	3.46%	3.46%	4.62%
Cổ tức/LN sau thuế	29.7%	-111.4%	28.0%
Hiệu quả hoạt động	2007	2008	2009
Vòng quay các khoản phải thu	6.66	7.12	8.71
Vòng quay hàng tồn kho	7.08	6.83	5.95
Vòng quay các khoản phải trả	6.86	7.87	7.33
Vòng quay tổng tài sản	0.61	0.48	0.42
Khả năng thanh khoản	2007	2008	2009
Hệ số thanh toán hiện hành	3.8	2.2	1.5
Hệ số thanh toán nhanh	3.5	1.9	1.4
Hệ số thanh toán bằng tiền	2.3	1.2	0.9
Khả năng sinh lời (%)	2007	2008	2009
Lợi nhuận biên gộp	26.2%	25.4%	33.0%
Lợi nhuận biên trước thuế	18.1%	-4.2%	37.4%
Lợi nhuận biên sau thuế	18.2%	-5.9%	31.4%
ROA	11.2%	-2.8%	13.3%
ROE	14.8%	-3.8%	21.4%
Phân tích Dupont	2007	2008	2009
Lợi nhuận biên sau thuế	18.21%	-5.86%	31.42%
Vòng quay tổng tài sản	0.61	0.48	0.42
Tổng tài sản/Vốn chủ sở hữu	1.32	1.34	1.61
ROE	14.75%	-3.77%	21.39%
Cơ cấu vốn	2007	2008	2009
Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.24	0.40	0.73
Nợ/Tổng tài sản	0.19	0.28	0.42

Nguồn - KDC, HSC

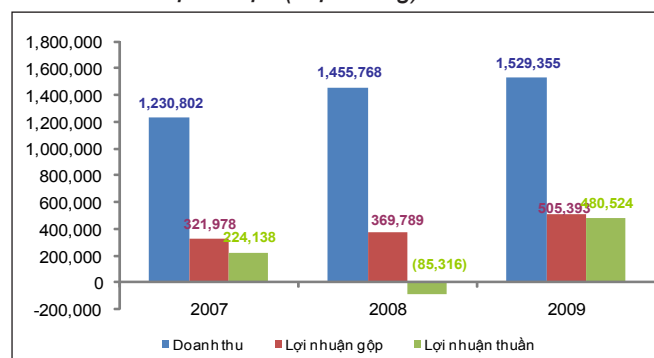
Xin vui lòng xem nội dung chi tiết về xung đột lợi ích và khuyến cáo cuối báo cáo này

ROA - ROE (%)



Nguồn - KDC, HSC

Doanh thu - Lợi nhuận (triệu đồng)



Nguồn - KDC, HSC

Đơn vị tính: Triệu đồng

Bảng cân đối kế toán quý	Q4 2008	Q1 2009	Q2 2009	Q3 2009	Q4 2009	Q1 2010	Q2 2010
Tài sản ngắn hạn	1,409,149	1,352,676	1,465,913	1,745,188	2,437,422	2,307,078	2,152,708
Tiền & các khoản đương tiền	206,901	225,029	108,731	324,582	834,704	681,197	381,916
Đầu tư ngắn hạn	579,963	622,188	561,421	629,557	668,393	738,679	818,832
Các khoản phải thu	425,314	351,150	616,958	635,128	753,953	716,875	788,893
Hàng tồn kho	186,209	135,146	154,164	139,224	159,173	131,867	143,274
Tài sản ngắn hạn khác	10,761	19,163	24,639	16,697	21,199	38,460	19,793
Tài sản dài hạn	1,758,478	1,526,854	1,568,041	1,877,503	1,812,146	1,518,118	1,477,969
Các khoản phải thu dài hạn	103,955	34,405	682	71,829	95,853	107,982	117,716
Tài sản cố định	789,234	755,361	739,324	668,950	665,340	639,245	644,337
Bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn	858,112	716,836	776,729	1,082,163	998,624	709,215	662,419
Tài sản dài hạn khác	7,178	20,251	17,329	21,554	20,292	30,612	23,402
Lợi thế thương mại	-	-	33,978	33,008	32,037	31,066	30,095
Tổng tài sản	3,167,627	2,879,530	3,033,954	3,622,691	4,249,567	3,825,197	3,630,677
Nợ phải trả	818,256	712,630	789,224	1,020,419	1,760,199	1,000,225	830,775
Nợ ngắn hạn	650,558	541,825	632,233	824,064	1,574,738	817,553	697,881
Nợ dài hạn	167,697	170,806	156,990	196,354	185,461	182,672	132,894
Vốn chủ sở hữu	2,279,653	2,087,270	2,162,416	2,498,388	2,426,041	2,757,032	2,728,514
Vốn chủ sở hữu	2,281,850	2,095,054	2,157,167	2,493,592	2,421,445	2,752,696	2,728,514
Nguồn vốn khác & Quỹ	(2,196)	(7,784)	5,248	4,796	4,596	4,336	-
Lợi ích của cổ đông thiểu số	69,718	79,629	82,315	103,884	63,327	67,939	71,388
Tổng nguồn vốn	3,167,627	2,879,530	3,033,954	3,622,691	4,249,567	3,825,197	3,630,677

Báo cáo KQ hoạt động kinh doanh quý	Q4 2008	Q1 2009	Q2 2009	Q3 2009	Q4 2009	Q1 2010	Q2 2010
Doanh thu thuần	385,329	257,593	275,039	546,392	447,755	306,134	279,030
Giá vốn hàng bán	301,201	194,635	199,124	331,300	294,879	217,333	202,427
Lợi nhuận gộp	84,128	62,959	75,915	215,092	152,876	88,802	76,603
Thu nhập thuần từ hoạt động tài chính	(14,537)	(4,552)	66,278	12,816	(9,373)	424,717	(32,534)
Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp	84,361	38,187	67,905	82,296	74,165	68,357	84,646
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(14,770)	20,219	74,289	145,611	69,337	445,161	(40,576)
Lợi nhuận từ các hoạt động khác	15,906	1,053	3,313	251,052	4,084	8,893	1,294
Lợi nhuận trước thuế	1,136	21,273	77,601	396,663	76,364	456,732	(31,558)
Lợi nhuận sau thuế	2,309	21,100	76,753	355,146	72,484	355,906	(35,363)
LN sau thuế của cổ đông công ty mẹ	7,516	13,711	75,437	334,516	59,136	349,458	(38,129)

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi HSC hoặc một trong các chi nhánh để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài. Các thông tin trong báo cáo được HSC xem là đáng tin cậy và dựa trên các nguồn thông tin đã công bố ra công chúng được xem là đáng tin cậy. Tuy nhiên, ngoài những thông tin về chính Công ty, HSC không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin trong báo cáo này. Các ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Giá cả và các công cụ tài chính có thể thay đổi mà không báo trước. HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này.

Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Cán bộ của HSC có thể có các lợi ích tài chính đối với các chứng khoán và các công cụ tài chính có liên quan được đề cập trong báo cáo. Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu cung cấp những thông tin khái quát. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá chứng khoán luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Các công cụ tài chính được đề cập trong báo cáo có thể sẽ không phù hợp với tất cả nhà đầu tư. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình bằng cách tham khảo các nhà tư vấn tài chính độc lập nếu cần thiết và dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Xin vui lòng ghi rõ nguồn khi trích dẫn các thông tin trong báo cáo này.



TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 1, 2 & 3, Tòa nhà Capital Place
6 Thái Văn Lung, Quận 1, TPCHM
T : (+84 8) 3 823 3299
F : (+84 8) 3 823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

6 Lê Thánh Tông
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
T : (+84 4) 3 933 4693
F : (+84 4) 3 933 4822

E: infor@hsc.com.vn **W**: www.hsc.com.vn